



**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI BẮNG DƯƠNG**

HỒ SƠ NĂNG LỰC

COMPANY PROFILE

BANG DUONG

GIỚI THIỆU



Kính gửi Quý chủ đầu tư và khách hàng!

Lời đầu tiên, thay mặt ban lãnh đạo **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG**, xin gửi lời chào và chúc sức khỏe, thành đạt, hạnh phúc đến quý khách hàng.

Băng Dương là một trong những doanh nghiệp xây dựng hàng đầu Việt Nam được thành lập từ năm 2005 có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh. Với chặng đường hơn 15 năm phát triển với nhiều nỗ lực, Công ty Băng Dương xác lập vị thế là một Nhà thầu xây lắp lớn có uy tín tại Việt Nam.

Hoạt động xây dựng của công ty Băng Dương bao gồm: San lấp và xử lý nền; Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ; Cầu đường; Hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng dân dụng; Đầu tư dự án,... Từ một doanh nghiệp tư nhân băng nỗ lực không ngừng với sự lãnh đạo tài giỏi cùng đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm Băng Dương đã từng bước hoàn thiện trở thành một công ty xây dựng đạt tiêu chuẩn với nhiều công trình xây dựng.

Công ty Băng Dương cam kết mang đến cho khách hàng sự hài lòng tối đa bằng các sản phẩm chất lượng cao, đúng tiến độ và giá thành hợp lý nhất.

Thay mặt công ty xin chân thành cảm ơn quý khách hàng đã tin nhiệm và hợp tác với chúng tôi trong thời gian qua, Băng Dương xin góp phần vào sự thành công của quý khách hàng.

Trân trọng!

Đại diện công ty
Chủ tịch Hội đồng thành viên

PHẠM VĂN CƯỜNG



CÔNG TY CON

01

Công Ty Cổ Phần Băng Dương E&C

San lấp và xử lý nền - Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ - Cầu đường - Hạ tầng kỹ thuật - Xây dựng dân dụng

02

Công Ty Cổ Phần Clean Energy Holding

Năng lượng sạch - Nhà máy sản xuất ống hút giấy - Nhà máy NLMT - Nhà máy NLMT nổi lotus 2 - NLMT áp mái

THÔNG TIN

Tên công ty:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

Giám đốc:

PHẠM HÒA LẠC

Địa chỉ:

2. Số 19, Đường 37, Khu phố 5, Phường
An Phú, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Số điện thoại: [+84] (028) 71 080 809

Email: bangduongltd@bangduong.vn

Website: www.bangduong.vn



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



BĂNG DƯƠNG

Chúng tôi tự tin luôn tạo được
SỰ TIN CẬY - HÀI LÒNG
của Chủ đầu tư - Đối tác dựa trên nền tảng
hoàn thành các dự án với chất lượng cao,
đảm bảo tiến độ và chi phí cạnh tranh

HỒ SƠ PHÁP LÝ

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0304109513

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 11 năm 2005

Đăng ký thay đổi lần thứ: 23, ngày 18 tháng 01 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG-THƯƠNG
MAI BANG DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 19 đường số 37, Khu phố 5, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.71 08 08 09

Fax: 08.71 06 08 09

Email: bangduongltd@bangduong.com.vn Website: www.bangduong.com.vn

3. Vốn điều lệ

238.553.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám tỷ năm trăm năm mươi ba triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM VĂN CƯỜNG	Việt Nam	158 Cao Đức Lân, khu phố 5, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	190.842.400.000	80,000	052049000111	

HỒ SƠ PHÁP LÝ

2	PHẠM HOÀ LẠC	Việt Nam	19/1 đường 47, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	47.710.600.000	20,000	075082000395
---	--------------	----------	--	----------------	--------	--------------

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM HOÀ LẠC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/03/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075082000395

Ngày cấp: 09/03/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 19/1 đường 47, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành
phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 19/1 đường 47, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam



CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC

BỘ XÂY DỰNG
CỤC QUẢN LÝ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00018172

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17/QĐ-HĐXD-DN ngày 15/3/2019 và Quyết định số: 106/QĐ-HĐXD-DN ngày 23/11/2018)

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0304109513

Ngày cấp: 29/11/2005.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: Phạm Văn Cường

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19 đường số 37, khu phố 5, phường An Phú, quận 2, TP Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028.7108.0809

Số fax: 028.7106.0809

E-mail:

Website: www.bangduong.com.vn

bangduongltd@bangduong.com.vn

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Thi công xây dựng công trình:

- Hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý CTR) : Hạng I

- Giao thông (Đường bộ, Cảng): Hạng I

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 23/11/2028.

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2019

CỤC TRƯỞNG



TS: Hoàng Quang Nhu

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HCM-00018172

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2173/QĐ-SXD-QLNGDXD ngày 31/12/2019)

Tên tổ chức: **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ-XÂY DỰNG-THƯƠNG MẠI
BẮNG DƯƠNG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 0304109513

Ngày cấp: Đăng ký cấp lần đầu ngày 29/11/2005, thay đổi lần thứ 17 ngày 20/6/2017;

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông/Bà: **Phạm Văn Cường**

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: Số 19 Đường số 37, Khu phố 5, phường An Phú, Quận 2,

Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 0871080809

Số fax: 0871060809

Email: bangduongltd@bangduong.com.vn

Website: www.bangduong.com.vn

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Thi công xây dựng công trình giao thông (cầu đường bộ): Hạng II.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 31/12/2029./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2020

TUQ. GIÁM ĐỐC

CHÁNH VĂN PHÒNG



Bùi Văn Hiếu

HỆ THỐNG QLCL, ATLĐ, VSMT



Certificate of Registration
Quality Management System
ISO 9001:2015
by Royal Charter

HỆ THỐNG QLCL, ATLĐ, VSMT



Certificate of Registration
Occupational Health & Safety Management System
ISO 45001:2018
by Royal Charter

HỆ THỐNG QLCL, ATLĐ, VSMT

bsi.

...making excellence a habit™

08/01/2020

To Whom It May Concern:
Kính gửi các Cơ quan hữu quan:

This is to certify that
Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI Việt Nam) xác nhận:

**BANG DUONG E&C JOINT STOCK COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN BẮNG DƯƠNG E&C**

**No. 19, Street 37, Quarter 5, An Phu Ward, District 2,
Ho Chi Minh City, Vietnam**

has completed Certification audit of the Environmental Management System according to ISO 14001:2015 for the scope of:

Đã hoàn thành cuộc đánh giá Chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 với phạm vi chứng nhận:

**Construction of ground leveling, soil improvement, civil and industrial,
infrastructure, bridges, roads and wharves fields.**

***Thi công san lấp mặt bằng, xử lý nền, dân dụng và công nghiệp,
cơ sở hạ tầng, cầu, đường và cầu cảng.***

The Certification audit was conducted by BSI Vietnam on 23 & 24 December 2019, our audit team has concluded that all requirements of ISO 14001:2015 are fulfilled.

Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI Việt Nam) đã thực hiện đánh giá Chứng nhận vào ngày 23 & 24 tháng 12 năm 2019, đoàn đánh giá kết luận hệ thống của Quý Công ty phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

The relevant documents were forwarded to the Certification Department of BSI Group for final approval and issuing the certificate.

Báo cáo và hồ sơ đánh giá đã được chuyển về Bộ phận chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh để xét duyệt lần cuối trước khi cấp giấy chứng nhận cho doanh nghiệp.

On behalf of BSI Vietnam
Thay mặt BSI Việt Nam



[Signature]
Nguyễn Duyên Anh
General Director / Tổng giám đốc

Viện Tiêu Chuẩn Anh - BSI Việt Nam

Phòng 1106, Tầng 11, Tòa nhà Citilight
45 Võ Thị Sáu, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
info.vietnam@bsigroup.com
bsigroup.com.vn

Tư vấn tại TP. Hồ Chí Minh

T: +84 (8) 3820 0066

F: +84 (8) 3820 0022

Văn phòng Hà Nội

T: +84 (4) 3762 1170

F: +84 (4) 3762 1171

Văn phòng Đà Nẵng

T: +84 (51) 3888 720

F: +84 (51) 3888 710

Văn phòng Cần Thơ

T: +84 (710) 3819 002

F: +84 (710) 3819 003



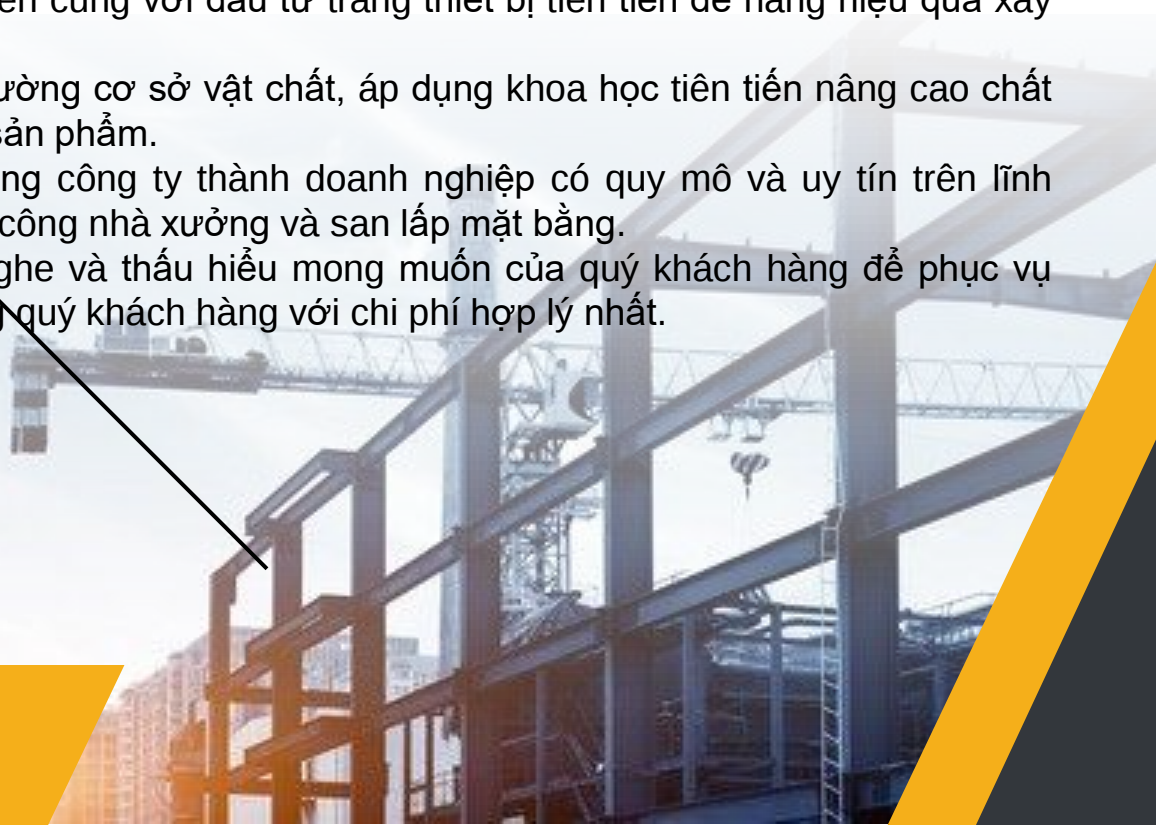
Certificate of Registration
The Environment Management System
ISO 14001:2015
by Royal Charter



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

**CÔNG TY HOẠT ĐỘNG VỚI PHƯƠNG CHÂM
CHUYÊN NGHIỆP- UY TÍN – CHẤT LƯỢNG – TIẾN ĐỘ**

- ☐ Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức nhân sự công ty
- ☐ Xây dựng và phát triển công ty thành công ty mạnh bền vững, có tốc độ tăng trưởng và có tính cạnh tranh cao.
- ☐ Quan tâm, đào tạo nâng cao chuyên môn và tay nghề cho đội ngũ nhân viên cùng với đầu tư trang thiết bị tiên tiến để nâng hiệu quả xây dựng.
- ☐ Tăng cường cơ sở vật chất, áp dụng khoa học tiên tiến nâng cao chất lượng sản phẩm.
- ☐ Xây dựng công ty thành doanh nghiệp có quy mô và uy tín trên lĩnh vực thi công nhà xưởng và san lấp mặt bằng.
- ☐ Lắng nghe và thấu hiểu mong muốn của quý khách hàng để phục vụ hài lòng quý khách hàng với chi phí hợp lý nhất.



Băng Dương là một trong những doanh nghiệp xây dựng hàng đầu Việt Nam được thành lập từ năm 2005 có trụ sở tại TP. Hồ Chí Minh. Với chặng đường hơn 15 năm phát triển với nhiều nỗ lực, Công ty Băng Dương xác lập vị thế là một Nhà thầu xây lắp lớn có uy tín tại Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CÔNG TY BĂNG DƯƠNG

- + San lấp và xử lý nền
- + Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ
- + Cầu đường
- + Hạ tầng kỹ thuật
- + Xây dựng dân dụng
- + Đầu tư dự án

XÂY DỰNG

01. San lấp - xử lý nền

Dự án phức hợp hoá chất Long Sơn - San lấp - Xử lý nền



Tên	Dự án phức hợp hoá chất Long Sơn - Phát triển mặt bằng - Gói L
Địa điểm	Long Sơn, Bà Rịa Vũng Tàu
Tiến độ thi công	12/2018 – 03/2020
Giá trị hợp đồng	550,000 tỷ đồng
Nhà thầu chính	Posco Engineering & Construction Co., Ltd (POSCO E&C)
Phạm vi công việc	Thi công cải tạo nền: Đào đất, Dắp cát lu lên mặt bằng, Đầm động, Trải vải địa kỹ thuật, đóng cọc bắc thấm, thi công đường giao thông, Hệ thống thoát nước mưa, kè bảo vệ bờ.



XÂY DỰNG

01. San lấp - xử lý nền

Cảng Hoá Chất Hyosung Vina

Tên	Dự án: Cảng hoá chất Hyosung Vina Gói thầu: Xử lý nền
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	26/02/2018 - 01/2019
Giá trị hợp đồng	115 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH Cảng hoá chất Hyosung Vina
Phạm vi hợp đồng	Đóng bấc thấm đứng, Đóng bấc thấm ngang, Cát San lấp và gia tải, Thi công cọc xi măng đất, Bơm hút chân không. Lắp đặt hệ thống quan trắc.



01. San lấp - xử lý nền

Thi công san lấp mặt bằng (Gói số 4)



Tên	Thi công san lấp mặt bằng (Gói số 4)
Địa điểm	Khu công nghiệp Phú Mỹ 3
Thời gian	08/2018 - 12/2018
Giá trị hợp đồng	119 tỷ đồng
Nhà thầu chính	Công ty cổ phần khoáng sản Thanh Bình
Phạm vi công việc	San lấp cát, lu lèn.

XÂY DỰNG

01. San lấp - xử lý nền

Nhà máy sản xuất PP và kho ngầm LPG



Tên	Dự án: Nhà máy sản xuất PP và kho ngầm LPG Gói thầu: Xử lý nền
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	11/2017 - 11/2018
Giá trị hợp đồng	229,50 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH Hóa chất Hyosung Vina
Phạm vi công việc	Phát quang, dọn dẹp mặt bằng, Đóng bấc thấm đứng, bấc thấm ngang, Cát san lấp và gia tải, Lắp đặt hệ thống quan trắc.

01. San lấp - xử lý nền

Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 - GD1

Tên	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3 - GD1 Gói thầu: Xử lý nền đường D2 và D3
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2017
Giá trị hợp đồng	84,35 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Thanh Bình - Phú Mỹ JSC
Phạm vi hợp đồng	Đóng bấc thấm đứng PVD, Đóng bấc thấm ngang PHD, Đào đắp, Đắp cát gia tải, Quan trắc lún.



XÂY DỰNG

01. San lấp - xử lý nền

Nhà Máy Nhiệt Điện Sông Hậu 1

Tên	Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1
Địa điểm	Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang
Thời gian	1/2015 - 12/2016
Giá trị hợp đồng	103 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Petro - Vietnam (PVN)
Phạm vi công việc	Cung cấp và thi công đắp cát san lấp, cát gia tải và kênh thoát nước



01. San lấp - xử lý nền

Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước

Tên	Dự án: Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước
Địa điểm	Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh
Thời gian	2015 - 2016
Giá trị hợp đồng	236 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần cảng Sài Gòn Hiệp Phước
Phạm vi công việc	Xử lý nền đóng bắc thấm PVD, PHD, Xử lý nền bằng bơm hút chân không, Hệ thống tường sét Lắp đặt hệ thống quan trắc



XÂY DỰNG

01. San lấp - xử lý nền

Germalink Container Terminal - Giai đoạn 1

Tên	Dự án: Germalink Container Terminal - Giai đoạn 1
Địa điểm	Tân Thành, Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2011 - 2012
Giá trị hợp đồng	350 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link
Phạm vi công việc	Phát quang dọn dẹp mặt bằng, trải vải địa kỹ thuật Thi công đắp cát san lấp, cắt gia tải, vận chuyển đất gia tải



01. San lấp - xử lý nền

Cảng Container quốc tế Cảng Sài Gòn SP-SSA



Tên	Dự án Cảng Container quốc tế Cảng Sài Gòn SP-SSA Gói thầu 1000B - San lấp và ổn định đất
Địa điểm	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2008 – 2009
Giá trị hợp đồng	870,86 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Liên danh Đức Thành - Hoàng Long An - Băng Dương
Phạm vi công việc	Thi công san lấp – Xử lý nền



XÂY DỰNG

01. San lấp - xử lý nền

Tên	Nhà Bè Smartcity
Địa điểm	Xã Nhơn Đức - Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. HCM
Thời gian	04/2020 - 10/2020
Giá trị hợp đồng	16,43 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH MTV Việt Nam GS Industry
Phạm vi công việc	Thi công phát quang Giai đoạn 1-3, đường mở rộng PHL, và công việc khác

Tên	VNSAT Long An - Gói 1
Địa điểm	Xã Nhơn Đức - Phước Kiển, Huyện Nhà Bè, TP. HCM
Thời gian	04/2020 - 10/2020
Giá trị hợp đồng	16,43 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH MTV Việt Nam GS Industry
Phạm vi công việc	Thi công phát quang Giai đoạn 1-3, đường mở rộng PHL, và công việc khác

Tên	VNSAT Long An - Gói 1
Địa điểm	Huyện Tân Hưng, Tỉnh Long An
Thời gian	10/2021 - 06/2021
Giá trị hợp đồng	10,27 tỷ đồng
Chủ đầu tư	BQLDA chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Long An
Phạm vi công việc	Thi công san lấp cát

Tên	VNSAT An Giang - Gói 17
Địa điểm	Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang
Thời gian	07/2021 - 06/2022
Giá trị hợp đồng	10,41 tỷ đồng
Chủ đầu tư	BQLDA chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh An Giang
Phạm vi công việc	Thi công san lấp cát

XÂY DỰNG

02. Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ

Dự án KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 – GD1



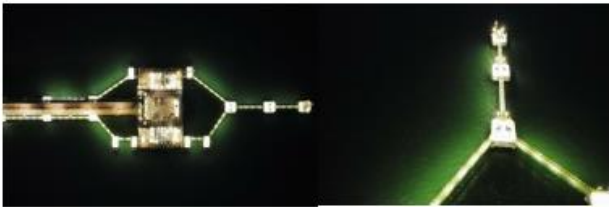
Tên	Dự án KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 – GD1 Gói thầu: Xây dựng Bến số 1, Bến số 2
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	08/2019 - 07/2020
Giá trị hợp đồng	105 tỷ đồng
Nhà thầu chính	Công ty TNHH Dịch vụ xây dựng Hoàng Hưng
Phạm vi công việc	Thi công xây dựng Bến: Cung cấp, thi công đóng cọc BT DUL. Thi công xây dựng bến. Thi công kè rọ đá.



02. Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ

Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam Việt Nam

Tên	Dự án: Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam Việt Nam Gói thầu F: Các cảng - Kết cấu phần trên
Địa điểm	Đảo Long Sơn, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	06/2019 - 06/2021
Giá trị hợp đồng	550 tỷ đồng
Nhà thầu chính	Công ty TNHH Posco E&C
Phạm vi công việc	Thi công lắp đặt cấu kiện nặng (PC house, Piperack, walkway, PC Plank) Thi công kết cấu bên trên (Cắt đầu cọc, ván khuôn, cốt thép, bê tông cho hệ thống đầm sàn) Lắp đặt hoàn thiện đệm va, bích neo, thang leo, gờ chắn... Những công việc khác



XÂY DỰNG

02. Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ

Cảng Hoá Chất Hyosung Vina

Tên	Dự án: Cảng hoá chất Hyosung Vina Gói thầu: Cầu tàu và kè
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2018 - 2019
Giá trị hợp đồng	200,7 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH Hoá chất Hyosung Vina
Phạm vi hợp đồng	Nạo vét trước bến Cầu tàu: 01 sàn công tác, 12 trụ và neo, 01 cầu dẫn, 01 cầu công tác, đóng cọc ống thép, cọc bê tông dự ứng lực. Kè thâm rọ đá



02. Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ

Cảng Container Quốc Tế SP-SSA



Tên	Cảng Container Quốc Tế SP-SSA Gói: C3000
Địa điểm	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2011 - 2012
Giá trị hợp đồng	273 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-SSA (SSIT)
Phạm vi công việc	Nền container, RTG Runway, Cổng tường rào, Đường nội bộ, Nền HML, Hệ thống thoát nước.

XÂY DỰNG

02. Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ

Cảng Tổng Hợp Quốc tế Thị Vải

Tên	Cảng tổng hợp Quốc tế Thị Vải
Địa điểm	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2008 - 2011
Giá trị hợp đồng	160,39 tỷ đồng
Chủ đầu tư	PMU85 - Bộ giao thông vận tải
Phạm vi công việc	Nạo vét kè, luồng tàu chạy, khu nước và vùng quay tàu. Xử lý nền, thi công đường vào cảng, trải vải địa kỹ thuật.



02. Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ

Cảng container quốc tế SSA



Tên	Dự án: Cảng container quốc tế SSA - Cảng Sài Gòn
Địa điểm	Khu vực cảng Cái Mép, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2008 - 2010
Giá trị hợp đồng	137,5 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Cảng container quốc tế SSA Co., Ltd
Phạm vi công việc	Thi công nạo vét và thi công kè đá.



XÂY DỰNG

02. Cảng container, cầu cảng, nạo vét, kè bờ

Cảng Container Quốc tế SP-SSA (SSIT)



Tên	Dự án: Cảng Container Quốc tế SP-SSA (SSIT)
Địa điểm	Khu vực cảng Cái Mép, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2008 - 2010
Giá trị hợp đồng	35,5 triệu USD
Chủ đầu tư	Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-SSA (SSIT)
Phạm vi công việc	San lấp, xử lý nền Nạo vét và thi công kè bảo vệ bờ



Tên	Cảng Thủy nội địa và Kho bãi Bảo Long Phú Mỹ
Địa điểm	Xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Thời gian	04/2021 -12/2021
Giá trị hợp đồng	37,82 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH đầu tư & Phát triển Bảo Long Phú Mỹ
Phạm vi công việc	Thi công xây dựng Cảng thủy nội địa và kho bãi



XÂY DỰNG

03. Cầu & Đường

Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 830 và ĐT 824

Tên	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 830 và ĐT 824 đường liên tỉnh từ cầu An Thành đến phường Đức Hoà, tỉnh Long An (hợp đồng BOT)
Địa điểm	Huyện Bến Lức, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An
Thời gian	2016 - 2018
Giá trị hợp đồng	790 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương
Phạm vi công việc	Thi công tuyến đường: 23,16 Km, Thi công cầu: 08 cái Cung cấp, thi công hệ thống thiết bị trạm thu phí, nhà điều hành Cung cấp, thi công hệ thống chiếu sáng, ATGT toàn tuyến



Hồ sơ năng lực Băng Dương 2021

03. Cầu & Đường

Thi công đường Bến Lức - Tân Lập



Tên	Thi công đường Bến Lức - Tân Lập (Gói 12 và Gói 14)
Địa điểm	Bến Lức, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
Thời gian	2015 - 2017
Giá trị hợp đồng	175,5 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Ban quản lý dự án giao thông
Phạm vi công việc	Thi công tuyến đường: 15 Km, Thi công cầu.

XÂY DỰNG

03. Cầu & Đường

Đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14)

Tên	Đầu tư nâng cấp mở rộng đường Hồ Chí Minh (Quốc lộ 14) đoạn từ Km1793 + 600 đến Km1824+00, tỉnh Đắk Nông theo hình thức hợp đồng BOT
Địa điểm	Huyện Cư Jut và Đắk miê tỉnh Đắk Nông
Thời gian	2013 - 2015
Giá trị hợp đồng	417 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Liên doanh Toàn Mỹ 14 - Băng Dương
Phạm vi công việc	Thi công nâng cấp mở rộng toàn tuyến đường Cung cấp, thi công hệ thống thiết bị trạm thu phí, nhà điều hành Cung cấp, thi công hệ thống chiếu sáng, an toàn giao thông toàn tuyến



03. Cầu & Đường

Gói thầu số 1: Xây lắp đoạn Km1824 - Km1833 và cầu Serepok



Tên	Đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn km1824-km1876 và cầu serepok km1792+850 Km1793+600 tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Đắk Nông - Gói thầu số 1
Địa điểm	Tỉnh Đắk Lắk - Đắk Nông
Thời gian	12/2013 - 06/2015
Giá trị hợp đồng	169,14 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Liên danh 471 - Băng Dương - 479
Phạm vi công việc	Thi công cầu, đường đầu cầu, Thi công tuyến đường, Hệ thống thoát nước mưa, Đào đất, phá đá.



XÂY DỰNG

03. Cầu & Đường

Đường Tân Lập Long Hậu



Tên	Dự án: Đường Tân Lập Long Hậu
Địa điểm	Huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
Thời gian	2013 - 2014
Giá trị hợp đồng	64 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Ban quản lý công trình giao thông tỉnh Long An
Phạm vi công việc	Xử lý nền đất yếu, thi công xây dựng tuyến đường



03. Cầu & Đường

Cải tạo, nâng cấp ĐT.832



Tên	Cải tạo, nâng cấp ĐT.832 đoạn cầu Kinh – ngã ba Nhứt Ninh và nhánh rẽ bến đò Nhứt Tảo
Địa điểm	Huyện Tân Trụ, Tỉnh Long An
Thời gian	2012
Giá trị hợp đồng	29 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Ban quản lý công trình giao thông tỉnh Long An
Phạm vi công việc	Thi công mặt đường láng nhựa, thi công hệ thống thoát nước mưa.



XÂY DỰNG

03. Cầu & Đường

Tên	Công trình: Xây dựng tuyến đường tránh phía Nam thị trấn Phong Phú; Gói thầu số 3: Xây dựng nền, mặt đường, công trình thoát nước đoạn Km10+585 - Km17+975 và hệ thống an toàn giao thông toàn tuyến
Địa điểm	Thị trấn Phong Phú, tỉ nh Bình Định
Thời gian	09/08/2022 - 09/08/2024
Giá trị hợp đồng	180,59 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định
Phạm vi công việc	Thi công xây dựng tuyến đường: Kết cấu mặt đường Bê tông nhựa, Bê tông xi măng. Thi công xây dựng Cầu Bình Tường. Hệ thống thoát nước. Hệ thống an toàn giao thông toàn tuyến

Tên	Công trình: Đường giao thông từ trung tâm huyện ĐăkSong đi xã Thuận Hà và xã Đăk N'Drung
Địa điểm	Huyện ĐăkSong, xã Thuận Hà & xã Đăk N'Drung
Thời gian	01/2022 - 5/2024
Giá trị hợp đồng	57,11 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Ban QLDA & Phát triển quỹ đất huyện Đak Song
Phạm vi công việc	Thi công nền đường, mặt đường bê tông M300. Thi công hệ thống thoát nước. Thi công hệ thống an toàn giao thông.

Tên	Dự án thành phần đoạn Cấn Thơ - Hậu Giang thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Gói thầu: Thi công xây dựng đoạn (Km30+310 - Km32+580)
Địa điểm	Cấn Thơ - Hậu Giang
Thời gian	03/2023 - 05/2025
Giá trị hợp đồng	225,49 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần ĐTXD & Kỹ thuật VNCN E&C
Phạm vi công việc	Thi công nền đường, mặt đường bê tông nhựa. Thi công xử lý nền bằng PVD và trụ xi măng đất Thi công hệ thống thoát nước Thi công cống hộp.

Tên	Dự Án Thành Phần Quảng Ngãi – Hoài Nhơn Thuộc Dự Án Xây Dựng Công Trình Đường Bộ Cao Tốc Bắc - Nam Phía Đông Giai Đoạn 2021 - 2025; Thi Công Xây Dựng Đoạn Km57+200 – Km88+000
Địa điểm	Quảng Ngãi – Hoài Nhơn
Thời gian	03/2023 - 07/2025
Giá trị hợp đồng	500 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Dèo Cả
Phạm vi công việc	Thi công nền đường, mặt đường bê tông nhựa. Thi công xử lý nền bằng PVD và trụ xi măng đất Thi công hệ thống thoát nước Thi công cống hộp.

XÂY DỰNG

04. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 1 (Gói 4)

Tên	Dầu tư xây dựng & kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3 - giai đoạn 1 (Gói 4)
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	08/2019 - 07/2020
Giá trị hợp đồng	91 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ
Phạm vi công việc	Đường: Mặt đường bê tông nhựa, mặt đường bê tông xi măng Hệ thống thoát nước mưa, Hệ thống cấp nước, Hệ thống nước thải, Hệ thống thông tin liên lạc, Cây xanh, Vĩa hè...



04. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 1 (Gói 3)



Tên	Dầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp chuyên sâu Phú Mỹ 3 - giai đoạn 1 (Gói 3)
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2018 - 2019
Giá trị hợp đồng	84,690 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ
Phạm vi công việc	Đường: Mặt đường bê tông nhựa, Gia cố mặt đường bê tông xi măng Hệ thống thoát nước, Hệ thống cấp nước, Hệ thống nước thải, Hệ thống thông tin liên lạc, Cây xanh, Vĩa hè...

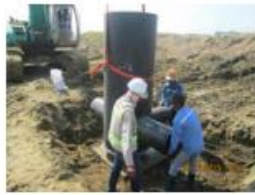


XÂY DỰNG

04. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 1 (Gói 2)

Tên	Dầu tư xây dựng & kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 1 (Gói 2)
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2017 - 2018
Giá trị hợp đồng	123,93 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ
Phạm vi công việc	Đường: Mặt đường bê tông nhựa, mặt đường bê tông xi măng, Hệ thống thoát nước mưa, Hệ thống cấp nước, Hệ thống nước thải, Hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh, vỉa hè...



04. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 1 (Gói 1)



Tên	Dầu tư xây dựng & kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN chuyên sâu Phú Mỹ 3 - Giai đoạn 1 (Gói 1)
Địa điểm	Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	2015 - 2016
Giá trị hợp đồng	406,65 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Thanh Bình Phú Mỹ
Phạm vi công việc	Hệ thống đường: Mặt đường bê tông nhựa, mặt đường bê tông xi măng, Hệ thống thoát nước mưa, Hệ thống cấp nước, Hệ thống thoát nước thải, Hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh, vỉa hè...



XÂY DỰNG

04. Hạ tầng kỹ thuật

GS MetroCity Nhà Bè



Tên	Dự án: GS MetroCity Nhà Bè, Gói thầu: Thi công hạ tầng chính giai đoạn 1-1
Địa điểm	Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
Thời gian	02/2020 – 04/2021
Giá trị hợp đồng	77,64 Tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty TNHH MTV Việt Nam GS Industry
Phạm vi công việc	Xử lý đất yếu, Thi công đường giao thông, Hệ thống thoát nước mưa, Thoát nước thải, Cấp nước, Cấp điện, Cảnh quan, Chiếu sáng, Hệ thống viễn thông, Kết nối hệ thống giao thông hiện hữu.



04. Hạ tầng kỹ thuật

Dự án Khu dân cư Vạn Phúc



Tên	Dự án Khu dân cư Vạn Phúc
Địa điểm	Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian	6/2019 – 6/2020
Giá trị hợp đồng	140,8 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Tập đoàn Vạn Phúc
Phạm vi công việc	Đường BTN, Đường đi bộ, vỉa hè, bó vỉa, Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, Hệ thống thông tin liên lạc, cảnh quan công viên, Diện trung thế - hạ thế, Hệ thống điện chiếu sáng.



XÂY DỰNG

04. Hạ tầng kỹ thuật

Dự án Aqua City



Tên	Dự án: Aqua City - Riverside Gói thầu: Thi công hạ tầng kỹ thuật khu vực A1a +1Ba
Địa điểm	Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai
Thời gian	02/2020 – 08/2020
Giá trị hợp đồng	155,9 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Tập đoàn Novaland
Phạm vi công việc	Thi công công trình tạm, đường giao thông và vỉa hè, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, Bó vỉa – Trồng cây xanh

04. Hạ tầng kỹ thuật

Dự án Khu thương mại dân cư và tái định cư Vị Tân - Gói Hạ tầng kỹ thuật



Tên	Dự án Khu thương mại dân cư và tái định cư Vị Tân - Gói Hạ tầng kỹ thuật
Địa điểm	Xã Vị Tân - Phường 4, TP. Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang
Thời gian	01/2020 – 12/2020
Giá trị hợp đồng	270 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công Ty Cổ Phần Liên Minh
Phạm vi công việc	San lấp mặt bằng, Hệ thống đường giao thông, Hệ thống thoát nước mưa, Hệ thống thoát nước mưa, Hệ thống cấp nước – PCCC, Hệ thống chiếu sáng, Vỉa hè - Cây xanh, các công viên, Hệ thống cấp điện và hệ thống chiếu sáng

XÂY DỰNG

04. Hạ tầng kỹ thuật

Xây dựng hạ tầng cho dự án khu dân cư xã hội Nam Tân Uyên



Tên	Xây dựng hạ tầng cho dự án khu dân cư xã hội Nam Tân Uyên
Địa điểm	Tỉnh Bình Dương
Thời gian	12/2018 – 06/2019
Giá trị hợp đồng	36,15 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Nam Tân Uyên
Phạm vi công việc	Thi công hạ tầng: Đường BTN, vỉa hè, An toàn giao thông, Hệ thống thoát nước mưa, Hệ thống thoát nước thải

04. Hạ tầng kỹ thuật

Xây dựng hạ tầng cho dự án khu dân cư xã hội Nam Tân Uyên



Tên	Xây dựng hạ tầng cho dự án khu dân cư xã hội Nam Tân Uyên
Địa điểm	Tỉnh Bình Dương
Thời gian	3/2019 – 08/2019
Giá trị hợp đồng	80,7 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Công ty cổ phần Nam Tân Uyên
Phạm vi công việc	Thiết kế hệ thống cấp điện và chiếu sáng, Cung cấp, thi công hệ thống cấp điện và chiếu sáng

XÂY DỰNG

04. Hạ tầng kỹ thuật

Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước

Tên	Dự án: Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước Gói: 8B1 - Hệ thống đường, sân và thoát nước - Giai đoạn 1
Địa điểm	Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh
Thời gian	10/2015 - 03/2017
Giá trị hợp đồng	260 tỷ đồng
Nhà thầu chính	Công ty cổ phần cảng Sài Gòn Hiệp Phước
Phạm vi công việc	Cơ sở hạ tầng: đường, mặt bãi, Hệ thống thoát nước, Cổng tường rào, Kho hàng rời



Tên	Dự án: Khu Phúc Hợp Vịnh Dám; Công trình: Khu Shophouse thương mại 99 căn; Gói thầu: Thi công hạ tầng kỹ thuật và Hệ thống đường giao thông
Địa điểm	Ấp Suối Lớn, xã Dương Tơ, Tp. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
Thời gian	29/04/2021 - 31/12/2022
Giá trị hợp đồng	37,50 tỷ đồng
Nhà thầu chính	Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân - TTC Phú Quốc
Phạm vi công việc	Thi công xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và Hệ thống đường giao thông

XÂY DỰNG

05. Xây dựng dân dụng

Nhà máy công ty TNHH Nitori Furniture Bà Rịa – Vũng Tàu - GD2



Tên	Dự án: Nhà máy công ty TNHH Nitori Furniture Bà Rịa -Vũng Tàu - GD2 Gói thầu: Công tác bê tông
Địa điểm	Bà Rịa – Vũng Tàu
Thời gian	10/2019 – 03/2020
Giá trị hợp đồng	26,36 Tỷ đồng
Nhà thầu chính	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Xây Dựng Hòa Bình
Phạm vi công việc	Thi công bê xử lý nước thải và các công tác hoàn thiện.

05. Xây dựng dân dụng

Thi công Tháp làm lạnh



Tên	Thi công tòa nhà làm lạnh
Địa điểm	Khu công nghiệp Cái Mép, Bà Rịa Vũng Tàu
Thời gian	06/2019 - 02/2020
Giá trị hợp đồng	12,24 tỷ đồng
Nhà thầu chính	eTEC E&C Limited Company
Phạm vi công việc	Thi công và hoàn thiện tháp làm lạnh

ĐẦU TƯ DỰ ÁN

06. Dự án

Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 830 và ĐT 824



Tên	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 830 và ĐT 824 đường liên tỉnh từ cầu An Thành đến phường Đức Hòa, tỉnh Long An (hợp đồng BOT)
Địa điểm	Huyện Bến Lức, Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An
Thời gian	2016 - 2018
Giá trị hợp đồng	1,079 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Liên danh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương và Công ty Cổ phần Bamboo Capital
Phạm vi công việc	Đầu tư xây dựng kinh doanh

06. Dự án

Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km1793+600 đến Km1824



Tên	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km1793+600 đến Km1824 tỉnh Đắk Nông theo hình thức BOT
Địa điểm	Huyện Cư Jút và Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông
Thời gian	2013 - 2015
Giá trị hợp đồng	1,020 tỷ đồng
Chủ đầu tư	Liên danh Công ty CPXD Toàn Mỹ 14 - Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương
Phạm vi công việc	Đầu tư xây dựng kinh doanh dự án thi công xây dựng tuyến đường

ATLĐ VSMT - AN TOÀN & SỨC KHOẺ



- + Chúng tôi sẽ đảm bảo quản lý hiệu quả và kiểm soát rủi ro
- + Chúng tôi sẽ cải thiện sức khỏe và an toàn nơi làm việc
- + Chúng tôi sẽ hạn chế - giảm thiểu khả năng xảy ra các sự cố
- + Mọi thành viên đều cam kết mục tiêu an toàn là KHÔNG thiệt hại

Băng Dương Quản Lý **RỦI RO** thông qua quy trình quản lý



Chính sách ATLĐ



Huấn luyện an toàn



Vận hành



Kiểm tra thường xuyên



Quản lý rủi ro

Mọi người được cam kết mục tiêu an toàn là **RỦI RO BẰNG 0**

ATLĐ VSMT ĐÁNH GIÁ RỦI RO

Đánh giá rủi ro nhằm hạn chế thiệt hại

Xác định môi nguy hiểm



Xác định rằng Ai - Vấn đề gì
có thể gặp nguy hiểm,
thiệt hại.

Đánh giá rủi ro



Xác định các
biện pháp kiểm soát

Đánh giá rủi ro còn lại



Ghi lại những phát hiện
trong đánh giá rủi ro

Lập kế hoạch dự phòng
cho rủi ro còn lại



Xem xét và sửa đổi



TẠI SAO LẠI CHỌN BĂNG DƯƠNG

CHÚNG TÔI LUÔN CAM KẾT VỚI CÁC ĐỐI TÁC

HỖ TRỢ KỸ THUẬT

- Chúng tôi nỗ lực hỗ trợ các đối tác để thực hiện hoàn thành dự án.
- Chúng tôi xây dựng hệ thống chất lượng - yêu cầu mang tính chuyên nghiệp cho các dự án.

TÀI CHÍNH MẠNH

- Chúng tôi duy trì sự ổn định tài chính và dòng tiền.

PHẠM VI CÔNG VIỆC

- Băng Dương sẵn sàng thỏa thuận hợp tác với các đối tác để thành công tại các dự án thực hiện.

Chúng tôi hoàn toàn tin tưởng bởi sự kết hợp lâu dài với các đối tác năng lực, để đảm bảo dự án thành công tốt đẹp.

Và cuối cùng, Chúng tôi khẳng định sẽ triển khai thành công các dự án với việc giảm thiểu tối đa các rủi ro kèm theo.



HỆ THỐNG QUẢN LÝ

Công ty Băng Dương được vận hành chuyên nghiệp bởi 3 hệ thống quản lý:

01

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001 – 2015:

Đảm bảo sự cải tiến trong các lĩnh vực hoạt động và quản lý thi công một cách hiệu quả nhất

02

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN & SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP ISO 45001-2018:

Nhằm giảm thiểu và tiến tới việc đảm bảo không có thiệt hại về con người và tài sản trong các hoạt động thi công.

03

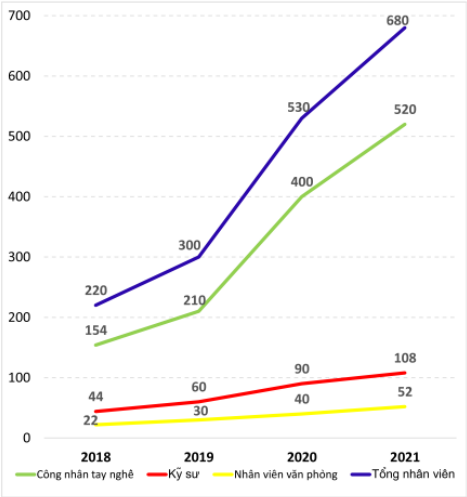
HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001-2015

- Băng Dương được định hướng xây dựng thành công ty chuyên sâu về thi công xây lắp có thể thống quản lý chuyên nghiệp.
- Mục tiêu của Băng Dương không chỉ là các dự án có khối lượng xây lắp lớn được ứng dụng công nghệ cao và các kỹ thuật phức tạp.
- Đặc biệt là những công trình xây dựng Cầu – Cảng biển với phương châm “Xây chất lượng – Dựng tương lai”.
- Băng Dương không ngừng vươn tới đẳng cấp quốc tế.

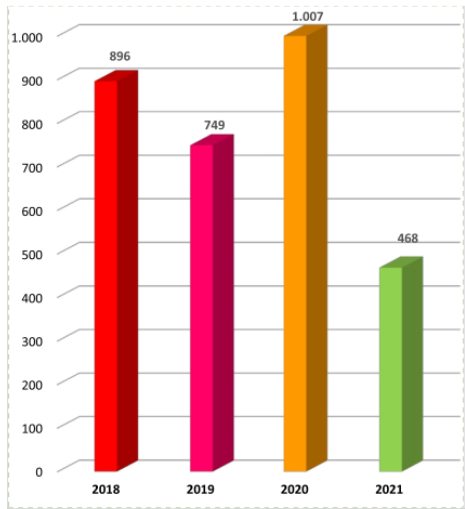


NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

NHÂN SỰ



DOANH THU



TÀI CHÍNH CÔNG TY

(VND)

STT	Thông tin tài chính	2018	2019	2020	2021
1	Tổng tài sản	854.970.896.918	920.394.117.339	1.216.296.332.615	1.241.403.232.357
2	Tổng nợ phải trả	593.903.089.992	659.655.929.741	970.458.205.034	993.514.315.915
3	Tài sản ngắn hạn	594.186.743.394	644.238.076.173	861.702.861.986	897.977.254.905
4	Nợ ngắn hạn	529.129.334.861	625.309.176.765	826.461.060.898	869.111.895.329
5	Doanh thu	896.230.261.635	748.621.374.686	1.007.084.492.364	468.034.936.789
6	Lợi nhuận trước thuế	9.756.938.899	11.284.283.160	8.587.555.117	2.563.486.076
7	Lợi nhuận sau thuế	7.805.551.119	9.027.426.528	6.870.044.094	2.050.788.861
Vốn điều lệ		238.553.000.000			

TÀI CHÍNH

TT No.	Thông tin tài chính <i>Financial information</i>	2020	2021	2022
1	Tổng tài sản <i>Total assets</i>	1.216.296.332.615	1.241.403.232.357	1.093.180.510.207
2	Tài sản dài hạn <i>Long-term assets</i>	354.593.470.629	343.425.977.452	295.374.098.278
3	Tổng nợ <i>Total liabilities</i>	970.458.205.034	993.514.315.915	844.132.848.751
4	Giá trị tài sản ròng <i>Net asset value</i>	245.838.127.581	247.888.916.442	249.047.661.456
5	Tài sản ngắn hạn <i>Short-term assets</i>	861.702.861.986	897.977.254.905	797.806.411.929
6	Nợ ngắn hạn <i>Short-term debt</i>	826.461.060.898	869.111.895.329	721.499.123.208
7	Vốn lưu động <i>Working capital</i>	35.241.801.088	28.865.359.576	76.307.288.721
8	Tổng doanh thu <i>Total revenue</i>	1.007.084.492.364	468.034.936.789	434.892.434.383
9	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	11.205.260.754	8.587.555.117	1.449.181.267
10	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	8.964.208.603	6.870.044.094	1.158.745.014

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG**

MỤC LỤC

--- oOo ---

	Trang
1- Báo Cáo Của Ban Giám Đốc	1 - 2
2- Báo Cáo Kiểm Toán	3
3- Bảng Cân Đối Kế Toán	4 - 7
4- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	8
5- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	9 - 10
6- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	11 - 23

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẰNG DƯƠNG**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC***Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Ban Giám Đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Các hoạt động chính

Thành lập: Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Bằng Dương được thành lập và hoạt động theo giấy CNĐKKD số 0304109513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29 tháng 11 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 24 tháng 02 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy phép: 238.553.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2020: 238.553.000.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh chính

Chuẩn bị mặt bằng, san lấp mặt bằng. Buôn bán máy móc thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện. Kinh doanh Bất động sản. Tư vấn, môi giới Bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng khác. Thiết kế dân dụng. Khai thác đá, cát sỏi. Vận tải. Trồng rừng, chăm sóc rừng. Khai thác gỗ. Buôn bán vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính: Số 19 Đường 37, Khu phố 5 P. An Phú, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính & kết quả hoạt động

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này, từ trang 4 đến trang 23.

3. Hội đồng Thành viên và Ban Giám Đốc**Hội đồng Thành viên**

Ông Phạm Văn Cường	Chủ tịch HĐQTV
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên
Ông Phạm Hòa Lạc	Thành viên

Ban Giám Đốc

Ông Phạm Hòa Lạc	Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Phó Giám Đốc

4. Các thông tin cơ bản khác**5. Kiểm toán độc lập**

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) được chọn là đơn vị kiểm toán độc lập cho Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Cam kết của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám Đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Ban Giám Đốc



Phạm Hòa Lạc
Giám Đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)

Aqua1.15.OT.16 Vinhomes Golden River, 2 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1. TP.HCM

Tel: 028 3932 1284

Fax: 028 3932 1284

Số: 046/2021/BCKT-AA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội Đồng Thành Viên và Ban Giám đốc

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA Ban Giám đốc ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

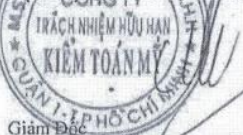
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



Giám Đốc

NGUYỄN HỮU TRI

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0476-2018-070-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN VĨNH LỢI

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0883-2018-070-1

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		861.702.861.986	464.686.439.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	54.982.573.279	117.285.204.749
1. Tiền	111		35.531.293.279	116.135.204.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.451.280.000	1.150.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	3.854.517.380	7.008.911.286
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.854.517.380	7.008.911.286
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		694.110.068.353	183.108.620.169
1. Phải thu của khách hàng	131		362.179.970.215	122.265.621.809
2. Trả trước cho người bán	132		232.281.427.771	40.970.836.767
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	99.648.670.367	19.872.161.593
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	103.630.380.825	141.297.649.521
1. Hàng tồn kho	141		103.630.380.825	141.297.649.521
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.125.322.149	15.986.053.955
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	4.886.329.765	15.953.152.571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		238.992.384	32.901.384
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	-	-

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		354.593.470.629	354.340.114.975
	(200 = 210+220+240+250+260)				
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		2.824.922.186	4.434.986.412
	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
	2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
	3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
	4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
	5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
	6. Phải thu dài hạn khác	216		2.824.922.186	4.434.986.412
	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		192.847.482.816	194.386.822.927
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.224.897.672	7.768.906.739
	- Nguyên giá	222		17.403.204.931	15.795.777.658
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.178.307.259)	(8.026.870.919)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	8.683.800.644	10.679.131.688
	- Nguyên giá	225		11.971.986.364	11.971.986.364
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.288.185.720)	(1.292.854.676)
	3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	175.938.784.500	175.938.784.500
	- Nguyên giá	228		175.938.784.500	175.938.784.500
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
	- Nguyên giá	231		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	-
	1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	158.684.702.000	155.081.942.000
	1. Đầu tư vào công ty con	251		49.768.877.000	46.166.117.000
	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		103.500.000.000	103.500.000.000
	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.415.825.000	5.415.825.000
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		236.363.627	436.363.636
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	236.363.627	436.363.636
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.216.296.332.615	819.026.554.655

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẮNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		970.458.205.034	580.058.471.168
I. Nợ ngắn hạn	310		826.461.060.898	458.699.353.817
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		265.938.710.572	134.663.858.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.046.139.773	27.237.185.450
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.025.251.827	16.207.740.804
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	285.385.000	10.766.397.338
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		51.618.571.636	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	6.380.134.215	7.201.154.215
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	450.652.060.949	261.108.210.094
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.514.806.926	1.514.806.926
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330	V.14	143.997.144.136	121.359.117.351
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	136.201.725.000	94.443.325.000
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	V.20	7.795.419.136	26.915.792.351
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		245.838.127.581	238.968.083.487
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	245.838.127.581	238.968.083.487
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		238.553.000.000	238.553.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.285.127.581	415.083.487
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.216.296.332.615	819.026.554.655

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Xuân Vinh



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẮNG DƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	1.007.084.492.364	748.621.374.686
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 26	6.774.734.091	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	1.000.309.758.273	748.621.374.686
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	928.629.493.434	683.191.906.394
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		71.680.264.839	65.429.468.292
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	5.366.863.458	2.301.582.470
7. Chi phí tài chính	22	VI. 30	46.700.782.503	44.845.872.711
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.629.704.468	23.420.095.689
8. Chi phí bán hàng	24	V.31	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.32	11.245.779.975	11.376.757.337
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		19.100.565.819	11.508.420.714
11. Thu nhập khác	31	V.33	760.000.000	11.757.733.756
12. Chi phí khác	32	V.34	11.273.010.702	12.060.893.716
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(10.513.010.702)	(303.159.960)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.587.555.117	11.205.260.754
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.35	1.717.511.023	2.241.052.151
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.36	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		6.870.044.094	8.964.208.603

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Xuân Vinh

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021



Phạm Hòa Lạc

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B03-DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	865.207.846.707	658.786.809.724
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(1.031.782.250.236)	(664.872.715.755)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.168.829.000)	(6.981.789.500)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(38.972.519.499)	(23.420.095.689)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.591.923.019)	(2.241.052.151)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	150.357.825.030	96.555.305.944
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(172.454.756.457)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(238.404.606.474)	57.826.462.573
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21		(10.363.636.362)
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22	760.000.000	10.363.636.362
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.154.393.906	
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(3.602.760.000)	(103.582.500.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		111.882.500.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	5.366.863.458	2.301.582.470
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	5.678.497.364	10.601.582.470
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	-	-
của doanh nghiệp đã phát hành			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	821.539.174.848	719.992.586.233
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(651.115.697.208)	(678.900.091.892)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	170.423.477.640	41.092.494.341

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B03-DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

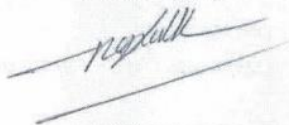
Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(62.302.631.470)	109.520.539.384
Tiền tồn đầu kỳ	60	117.285.204.749	7.764.665.365
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	54.982.573.279	117.285.204.749

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Xuân Vinh



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Thành lập:** Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương được thành lập và hoạt động theo giấy CNĐKKD số 0304109513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29 tháng 11 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 24 tháng 02 năm 2021.
Vốn điều lệ theo Giấy phép: 238.553.000.000 đồng.
Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2020: 238.553.000.000 đồng
- 2. Hình thức sở hữu vốn:** Vốn góp trong nước
- 3. Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại, dịch vụ, sản xuất
- 4. Ngành nghề kinh doanh**
Chuẩn bị mặt bằng, san lấp mặt bằng. Buôn bán máy móc thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện. Kinh doanh Bất động sản. Tư vấn, môi giới Bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng khác. Thiết kế dân dụng. Khai thác đá, cát sỏi. Vận tải. Trồng rừng, chăm sóc rừng. Khai thác gỗ. Buôn bán vật liệu xây dựng.
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Niên độ kế toán**
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**
Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.
Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Hình thức sổ kế toán áp dụng: Kế toán phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền.**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế tại thời điểm phát sinh, chênh lệch tỷ giá được tính vào thu nhập hoặc chi phí tài chính và được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp giá đích danh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**4.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của tài sản thuê tài chính được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẮNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

4.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm
Tài sản cố định vô hình	Thời hạn tối đa 20 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm: chi phí mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
--------------------------	------------

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con: khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát Công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp giá gốc là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ phản ánh khoản thu nhập của các nhà đầu tư được phân chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn và dài hạn, đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác: Là các khoản đầu tư như: trái phiếu, cổ phiếu, cho vay... hoặc các khoản vốn công ty đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật mà chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và thời hạn thu hồi dưới 1 năm (đầu tư ngắn hạn) hoặc trên 1 năm (đầu tư dài hạn). Các khoản đầu tư này được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Công ty khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

Mức lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) hoặc giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được và giá gốc ghi trên sổ kế toán của các khoản đầu tư.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp; Được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn tại công ty bao gồm: Chi phí thành lập doanh nghiệp, tiền thuê nhà xưởng văn phòng, các khoản bảo hiểm có kỳ hạn, bảo hiểm luân chuyển, lãi mua hàng trả góp, trả chậm và các chi phí khác... liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán cần phải phân bổ.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả: được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả: Là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẮNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các thành viên hay cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Công ty. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

+ **Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa số tiền thực tế thu được so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chỉ tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

+ **Vốn khác:** Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

+ Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

Chênh lệch tỷ giá được phản ánh là số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (lãi hoặc lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động chưa hoàn thành đầu tư).

+ Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng/Việt Nam

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; Chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

16. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng cân đối kế toán. Khi tài sản hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn này được phân bổ dần vào thu nhập tài chính (chênh lệch tỷ giá tăng) hoặc chi phí tài chính (chênh lệch tỷ giá giảm) không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020		
Tiền	35.531.293.279	116.135.204.749		
Tiền mặt	26.996.925.424	96.695.107.173		
Tiền gửi ngân hàng	8.534.367.855	19.440.097.576		
Các khoản tương đương tiền	19.451.280.000	1.150.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	19.451.280.000	1.150.000.000		
Cộng	54.982.573.279	117.285.204.749		
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020		
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		3.854.517.380		7.008.911.286
Cộng		3.854.517.380		7.008.911.286
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2020	01/01/2020		
Chi Cục Thuế Quận 1	11.141.722.510	11.141.722.510		
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển Sakura	30.000.000.000			
Công Ty TNHH TM ĐT PT Nhà Việt	35.000.000.000			
Phạm Văn Cường	16.500.000.000			
Phải thu khác	7.006.947.857	8.730.439.083		
Cộng	99.648.670.367	19.872.161.593		
4. Hàng tồn kho	31/12/2020	01/01/2020		
Công cụ , dụng cụ	139.000.000	139.000.000		
Chi phí SXKDDD	103.491.380.825	141.158.649.521		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	103.630.380.825	141.297.649.521		
(-) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-		
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	103.630.380.825	141.297.649.521		
5. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2020	01/01/2020		
Thuế GTGT được khấu trừ	4.886.329.765	15.953.152.571		
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	238.992.384	32.901.384		
Cộng	5.125.322.149	15.986.053.955		

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị, DCQL	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				-
Số dư đầu năm	4.930.805.129	4.159.102.228	6.705.870.301	15.795.777.658
Mua trong năm		260.000.000	1.347.427.273	1.607.427.273
Thanh lý, nhượng bán				-
Giảm khác				-
Số dư cuối năm	4.930.805.129	4.419.102.228	8.053.297.574	17.403.204.931
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	542.388.561	4.142.391.087	3.342.091.271	8.026.870.919
Khấu hao trong năm	197.232.204	51.856.079	902.348.057	1.151.436.340
Thanh lý, nhượng bán				-
Giảm khác				-
Số dư cuối năm	739.620.765	4.194.247.166	4.244.439.328	9.178.307.259
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.388.416.568	16.711.141	3.363.779.030	7.768.906.739
Số dư cuối năm	4.191.184.364	224.855.062	3.808.858.246	8.224.897.672

9. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Phương tiện, vận tải	Cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính				
Số dư đầu năm		11.971.986.364		11.971.986.364
- Thuê tài chính trong năm				-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				-
- Tăng khác				-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	-	11.971.986.364	-	11.971.986.364
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm		1.292.854.676		1.292.854.676
- Khấu hao trong năm		1.995.331.044		1.995.331.044
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính				-
- Tăng khác				-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm	-	3.288.185.720	-	3.288.185.720
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê tài chính				
- Tại ngày đầu năm	-	10.679.131.688	-	10.679.131.688
- Tại ngày cuối năm	-	8.683.800.644	-	8.683.800.644

10. Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất làm Văn phòng, trụ sở Công ty

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Trang 18

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

11. Tài sản dở dang dài hạn		31/12/2020	01/01/2020	
Cộng		-	-	
13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		31/12/2020	01/01/2020	
	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		49.768.877.000		46.166.117.000
Công ty Cổ phần				
Băng Dương E&C		42.469.610.000		41.966.850.000
Cty CEH		7.299.267.000		4.199.267.000
Đầu tư vào công ty				
liên doanh, liên kết		103.500.000.000		103.500.000.000
Cty TNHH B.O.T				
ĐT 830		-		-
Công ty CP Kamala				
Phú Mỹ		103.500.000.000		103.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác		5.415.825.000		5.415.825.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-		-
Cộng		158.684.702.000		155.081.942.000
14. Chi phí trả trước dài hạn và tài sản dài hạn khác		31/12/2020	01/01/2020	
Chi phí trả trước dài hạn		236.363.627		436.363.636
CCDC đã xuất dùng		236.363.627		436.363.636
Tài sản dài hạn khác		-		-
Cộng		236.363.627		436.363.636
15. Vay và nợ ngắn hạn		31/12/2020	01/01/2020	
Vay ngắn hạn ngân hàng và đối tượng khác		450.652.060.949		261.108.210.094
Ngân hàng TMCP Kiên Long		3.600.000.000		3.600.000.000
Ngân hàng Tiên Phong		139.417.084.478		156.568.001.733
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng		11.300.000.000		11.300.000.000
Ngân hàng Indovina		187.080.000.000		89.640.208.361
Ngân hàng TMCP Nam á		30.000.000.000		-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN		32.000.000.000		-
Ngân hàng TMCP Quân Đội		17.254.976.471		-
Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam		30.000.000.000		-
Nợ dài hạn đến hạn trả		-		-
Cộng		450.652.060.949		261.108.210.094

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Trang 19

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng/Việt Nam

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.938.088.358	6.120.577.335
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	10.087.163.469	10.087.163.469
Cộng	16.025.251.827	16.207.740.804
17. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
Trích trước chi phí các công trình	285.385.000	10.766.397.338
Cộng	285.385.000	10.766.397.338
18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
Kinh phí công đoàn, BHYT, BHXH, BHTN	380.134.215	301.154.215
Cty TNHH XD và Môi Trường Hoàng Long An	1.000.000.000	
Cty TNHH MTV 622	3.000.000.000	
Trần Hoàng Trần	2.000.000.000	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6.900.000.000
Cộng	6.380.134.215	7.201.154.215
19. Phải trả dài hạn khác	31/12/2020	01/01/2020
Công ty Cổ phần Băng Dương E&C	115.077.950.000	58.319.550.000
Công ty CP Khu Công Nghiệp KAMALA Phú Mỹ	14.000.000.000	29.000.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	7.123.775.000	7.123.775.000
Cộng	136.201.725.000	94.443.325.000
20. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2020	01/01/2020
Vay dài hạn	5.336.085.799	17.794.645.501
Ngân hàng Indovina	68.179.035	995.335.281
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	202.100.000
Ngân hàng Tiên Phong	1.792.024.764	1.584.847.220
Quỹ Đầu Tư Phát Triển Tỉnh Long An	3.475.882.000	15.012.363.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	2.459.333.337	9.121.146.850
Nợ thuê tài chính dài hạn	2.459.333.337	9.121.146.850
Cộng	7.795.419.136	26.915.792.351

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Trang 20

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẮNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	238.553.000.000	21.000.000.000	-	259.553.000.000
Tăng vốn	-			-
Lợi nhuận			8.964.208.603	8.964.208.603
Giảm khác		(21.000.000.000)	(8.549.125.115)	(29.549.125.115)
Số dư cuối năm trước	238.553.000.000	-	415.083.487	238.968.083.487
Số dư đầu năm nay	238.553.000.000	-	415.083.487	238.968.083.487
Tăng vốn	-			-
Lợi nhuận			6.870.044.094	6.870.044.094
Tăng/Giảm khác		-		-
Số dư cuối năm nay	238.553.000.000	-	7.285.127.581	245.838.127.581

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2020	01/01/2020
Vốn góp của Nhà nước		-	-
Vốn góp của cá nhân	100%	238.553.000.000	238.553.000.000
Cộng	100%	238.553.000.000	238.553.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	238.553.000.000	238.553.000.000
Vốn góp đầu năm	238.553.000.000	238.553.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	238.553.000.000	238.553.000.000

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hợp đồng xây dựng và dịch vụ xây lắp	1.007.084.492.364	747.259.724.431
Doanh thu khác	-	1.361.650.255
Cộng	1.007.084.492.364	748.621.374.686
26. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	6.774.734.091	-
Cộng	6.774.734.091	-
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng và dịch vụ xây lắp	1.000.309.758.273	747.259.724.431
Doanh thu thuần khác	-	1.361.650.255
Cộng	1.000.309.758.273	748.621.374.686
28. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	928.629.493.434	683.191.906.394
Cộng	928.629.493.434	683.191.906.394
29. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.366.863.458	2.301.582.470
Cộng	5.366.863.458	2.301.582.470
30. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	41.629.704.468	23.420.095.689
Chi phí tài chính khác	5.071.078.035	21.425.777.022
Cộng	46.700.782.503	44.845.872.711
31. Chi phí bán hàng		
Cộng	-	-
32. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	5.952.636.000	6.718.372.798
Chi phí đồ dùng văn phòng	270.956.004	157.865.514
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.116.257.127	1.084.072.013
Thuế, phí và lệ phí	32.909.500	1.331.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	905.372.645	1.152.358.916
Chi phí bằng tiền khác	2.967.648.699	2.262.757.096
Cộng	11.245.779.975	11.376.757.337

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính.

Trang 22

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
33. Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ		10.363.636.362
Các khoản nhận bồi thường	760.000.000	1.394.097.394
Cộng	760.000.000	11.757.733.756
34. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý		10.363.636.362
Chi phí khác	11.273.010.702	1.697.257.354
Cộng	11.273.010.702	12.060.893.716
35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.587.555.117	11.205.260.754
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	8.587.555.117	11.205.260.754
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.717.511.023	2.241.052.151
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	1.717.511.023	2.241.052.151

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Xuân Vinh

TP.HCM, ngày 08/12/2020



Phạm Hòa Lạc

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Giám Đốc trân trọng đệ trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Các hoạt động chính

Thành lập: Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương được thành lập và hoạt động theo giấy CNĐKKD số 0304109513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 29 tháng 11 năm 2005, đã đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 31 tháng 05 năm 2021.

Vốn điều lệ theo Giấy phép: 238.553.000.000 đồng.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2021: 238.553.000.000 đồng

Hoạt động kinh doanh chính

Chuẩn bị mặt bằng, san lấp mặt bằng. Buôn bán máy móc thiết bị. Lắp đặt hệ thống điện. Kinh doanh Bất động sản. Tư vấn, môi giới Bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng khác. Thiết kế dân dụng. Khai thác đá, cát sỏi. Vận tải. Trồng rừng, chăm sóc rừng. Khai thác gỗ. Buôn bán vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính: Số 19 Đường 37, Khu phố 5 P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính & kết quả hoạt động

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này, từ trang 4 đến trang 23.

3. Hội đồng Thành viên và Ban Giám Đốc

Hội đồng Thành viên

Ông Phạm Văn Cường	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Thành viên
Ông Phạm Hòa Lạc	Thành viên

Ban Giám Đốc

Ông Phạm Hòa Lạc	Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Thảo	Phó Giám Đốc

4. Các thông tin cơ bản khác

5. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA) được chọn là đơn vị kiểm toán độc lập cho Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cam kết của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Giám Đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2022

Thay mặt Ban Giám Đốc



Phạm Hòa Lạc

Giám Đốc

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)

L6100T01, Tầng 10 Tòa L6, Vinhomes Golden River, 2 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
Tel: 028 3932 1284 Fax: 028 3932 1284

Số: 052 /2022/BCKT-AA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội Đồng Thành Viên và Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương, được lập ngày 12 tháng 04 năm 2022, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA Ban Giám đốc ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thương mại Băng Dương cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phó Giám Đốc

NGUYỄN VĂN LỢI

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0883-2018-070-1

Kiểm toán viên

TRẦN NGỌC HÙNG

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1084-2018-070-1

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		897.977.254.905	861.702.861.986
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	70.311.159.995	54.982.573.279
1. Tiền	111		51.410.159.995	35.531.293.279
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.901.000.000	19.451.280.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	17.610.737.828	3.854.517.380
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		17.610.737.828	3.854.517.380
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		627.360.084.061	694.110.068.353
1. Phải thu của khách hàng	131		159.617.872.984	362.179.970.215
2. Trả trước cho người bán	132		355.602.627.463	232.281.427.771
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	112.139.583.614	99.648.670.367
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	172.129.146.264	103.630.380.825
1. Hàng tồn kho	141		172.129.146.264	103.630.380.825
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.566.126.757	5.125.322.149
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.05	10.271.748.373	4.886.329.765
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		294.378.384	238.992.384
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	-	-

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BẮNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		343.425.977.452	354.593.470.629
(200 = 210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.349.446.442	2.824.922.186
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.349.446.442	2.824.922.186
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		189.841.472.211	192.847.482.816
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	6.873.778.033	8.224.897.672
- Nguyên giá	222		15.446.756.903	17.403.204.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.572.978.870)	(9.178.307.259)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	7.028.909.678	8.683.800.644
- Nguyên giá	225		9.794.752.578	11.971.986.364
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.765.842.900)	(3.288.185.720)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	175.938.784.500	175.938.784.500
- Nguyên giá	228		175.938.784.500	175.938.784.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	-	-
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	152.216.877.000	158.684.702.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		48.716.877.000	49.768.877.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		103.500.000.000	103.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	5.415.825.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.181.799	236.363.627
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	18.181.799	236.363.627
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.241.403.232.357	1.216.296.332.615

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		993.514.315.915	970.458.205.034
I. Nợ ngắn hạn	310		869.111.895.329	826.461.060.898
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		208.213.353.926	265.938.710.572
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		141.495.785.187	34.046.139.773
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.187.949.042	16.025.251.827
4. Phải trả người lao động	314		1.520.169.000	285.385.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	8.991.671.399	51.618.571.636
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	9.669.813.215	6.380.134.215
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	481.518.346.634	450.652.060.949
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.514.806.926	1.514.806.926
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330	V.14	124.402.420.586	143.997.144.136
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	119.403.325.000	136.201.725.000
8. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	V.20	4.999.095.586	7.795.419.136
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		247.888.916.442	245.838.127.581
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	247.888.916.442	245.838.127.581
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		238.553.000.000	238.553.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.335.916.442	7.285.127.581
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.241.403.232.357	1.216.296.332.615

TP.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2022

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Xuân Vinh



Phạm Hòa Lạc

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

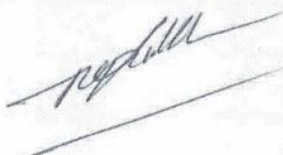
Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI. 25	468.034.936.789	1.007.084.492.364
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI. 26	-	6.774.734.091
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI. 27	468.034.936.789	1.000.309.758.273
4. Giá vốn hàng bán	11	VI. 28	408.571.710.992	928.629.493.434
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		59.463.225.797	71.680.264.839
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	992.236.125	5.366.863.458
7. Chi phí tài chính	22	VI. 30	47.348.562.559	46.700.782.503
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		42.089.196.229	41.629.704.468
8. Chi phí bán hàng	24	V.31	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.32	10.824.883.801	11.245.779.975
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24 - 25)	30		2.282.015.562	19.100.565.819
11. Thu nhập khác	31	V.33	5.582.570.760	760.000.000
12. Chi phí khác	32	V.34	5.301.100.246	11.273.010.702
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		281.470.514	(10.513.010.702)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.563.486.076	8.587.555.117
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.35	512.697.215	1.717.511.023
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.36	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.050.788.861	6.870.044.094

TP.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2022

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Xuân Vinh



Phạm Hòa Lạc

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B03-DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	01	700.797.944.348	865.207.846.707
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02	(634.760.290.159)	(1.031.782.250.236)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(9.115.493.000)	(8.168.829.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(37.690.825.400)	(38.972.519.499)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(690.809.000)	(2.591.923.019)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.057.013.080	150.357.825.030
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(30.432.832.700)	(172.454.756.457)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	(9.835.292.831)	(238.404.606.474)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSCĐ khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, bán TSCĐ và các TSDH khác	22		760.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua bán công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.605.006.542)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	22.164.891.094	3.154.393.906
5. Tiền chi góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	25	(298.000.000)	(3.602.760.000)
6. Tiền thu hồi vốn đầu tư vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức lợi nhuận được chia	27	992.236.125	5.366.863.458
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	(5.745.879.323)	5.678.497.364
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	555.081.245.568	821.539.174.848
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(524.171.486.698)	(651.115.697.208)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.909.758.870	170.423.477.640

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu B03-DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

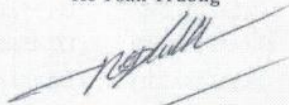
Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	15.328.586.716	(62.302.631.470)
Tiền tồn đầu kỳ	60	54.982.573.279	117.285.204.749
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	
Tiền tồn cuối kỳ	70	70.311.159.995	54.982.573.279

TP.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2022

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Xuân Vinh



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI BĂNG DƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
33. Thu nhập khác		
Thanh lý TSCĐ	5.576.570.760	
Các khoản nhận bồi thường	6.000.000	760.000.000
Cộng	5.582.570.760	760.000.000
34. Chi phí khác		
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	5.237.986.246	
Chi phí khác	31.557.000	11.273.010.702
Cộng	5.301.100.246	11.273.010.702
35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.563.486.076	8.587.555.117
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	2.563.486.076	8.587.555.117
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	512.697.215	1.717.511.023
5. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
6. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	512.697.215	1.717.511.023

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BC LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

TP.HCM, ngày 12 tháng 04 năm 2022

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Xuân Vinh

Giám Đốc



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XD TM BĂNG DƯƠNG
19 Đường 37, Khu phố 5, P. An Phú, Quận 2, TP.HCM
MST: 0304109513

Mẫu số B01-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 20-12-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
Tài sản				
A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		797.806.411.929	897.977.254.905
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18.656.914.830	70.311.159.995
1. Tiền	111	V.01	16.656.914.830	51.410.159.995
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	18.901.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	13.708.992.595	17.610.737.828
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13.708.992.595	17.610.737.828
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		568.180.871.268	627.360.084.061
1. Phải thu của khách hàng	131		110.647.302.993	159.617.872.984
2. Trả trước cho người bán	132		306.633.741.229	355.602.627.463
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Các khoản phải thu khác	136	V.03	150.899.827.046	112.139.583.614
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		193.419.458.153	172.129.146.264
1. Hàng tồn kho	141	V.04	193.419.458.153	172.129.146.264
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.840.175.083	10.566.126.757
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.645.165.699	10.271.748.373
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.05	195.009.384	294.378.384
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		295.374.098.278	343.425.977.452
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		917.303.239	1.349.446.442
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	V.07		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.07		
6. Phải thu dài hạn khác	216		917.303.239	1.349.446.442
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
II. Tài sản cố định	220		187.103.985.039	189.841.472.211
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	5.908.247.639	6.873.778.033
- Nguyên giá	222		15.514.309.284	15.446.756.903
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9.606.061.645)	(8.572.978.870)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.09	5.256.952.900	7.028.909.678
- Nguyên giá	225		7.981.741.214	9.794.752.578
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(2.724.788.314)	(2.765.842.900)
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	175.938.784.500	175.938.784.500
- Nguyên giá	228		175.938.784.500	175.938.784.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12		
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241A			
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	241B			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		107.352.810.000	152.216.877.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.852.810.000	48.716.877.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		103.500.000.000	103.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	255A			
- Trái phiếu cho vay trên 12 tháng	255B			
- Cho vay trên 12 tháng	255C			
VI. Tài sản dài hạn khác	260			18.181.799
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14		18.181.799
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
- Thiết bị phụ tùng thay thế dài hạn	263A			
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	263B			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản (270 = 100+ 200)	270		1.093.180.510.207	1.241.403.232.357
Nguồn vốn				
A. Nợ phải trả	300		844.132.848.751	993.514.315.915
I. Nợ ngắn hạn	310		721.499.123.208	869.111.895.329
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		193.031.273.687	208.213.353.926
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.559.161.917	141.495.785.187
3. Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	15.965.685.295	16.187.949.042
4. Phải trả người lao động	314		1.931.764.000	1.520.169.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.400.000.000	8.991.671.399
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
8. Doanh thu chưa thực hiện	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	12.949.468.002	9.669.813.215
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	387.146.963.381	481.518.346.634
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.514.806.926	1.514.806.926
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		122.633.725.543	124.402.420.586
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.19		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	V.19		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335	V.19		
6. Doanh thu chưa thực hiện	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337		119.403.325.000	119.403.325.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	3.230.400.543	4.999.095.586
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.21		
12. Dự phòng phải trả	342			
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		249.047.661.456	247.888.916.442
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	249.047.661.456	247.888.916.442
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		238.553.000.000	238.553.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.494.661.456	9.335.916.442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421A		9.335.916.442	7.285.127.581
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421B		1.158.745.014	2.050.788.861
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TCSĐ	432			
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		1.093.180.510.207	1.241.403.232.357

Blank form area with faint grid lines.

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Khoa Nam

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Vinh
Nguyễn Xuân Vinh

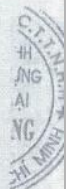
Ngày... tháng... năm...

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Hòa Lạc
Phạm Hòa Lạc



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XD TM BĂNG DƯƠNG
19 Đường 37, Khu phố 5, P. An Phú, Quận 2, TP.HCM
MST: 0304109513

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 20-12-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	434.892.434.383	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		434.892.434.383	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	348.642.951.780	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		86.249.482.603	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	879.594.008	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	70.909.269.484	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.479.576.361	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.024.281.142	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.195.525.985	
11. Thu nhập khác	31		2.550.625.000	
12. Chi phí khác	32		2.296.969.718	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		253.655.282	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.449.181.267	
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	290.436.253	
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.158.745.014	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Khoa Nam

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Vinh

Ngày... tháng... năm...



Phạm Hòa Lạc

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XDTM BĂNG DƯƠNG
19 Đường 37, Khu phố 5, P. An Phú, Quận 2, TP.HCM
MST: 0304109513

Mẫu số B03-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 20-12-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động SX-KD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(5.097.914.962)	
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(10.416.381.000)	
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(30.998.132.459)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(512.700.000)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.054.156.872.542	
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07		(967.204.147.547)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD	20		39.927.596.574	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21			
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.601.686.053)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		12.503.431.286	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.273.820.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.299.267.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		879.590.265	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.806.782.498	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/p/phiếu đã p/hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		407.430.021.636	
Trong đó:				
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	33A		407.430.021.636	
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	33B			
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	33C			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi (nợ phải trả)	33D			
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	33E			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(502.818.645.873)	
Trong đó:				
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	34A		(502.818.645.873)	
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	34B			
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	34C			
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi	34D			
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ và REPO chứng khoán	34E			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(95.388.624.237)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(51.654.245.165)	

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XD TM BĂNG DƯƠNG
19 Đường 37, Khu phố 5, P. An Phú, Quận 2, TP.HCM
MST: 0304109513

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 20-12-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	434.892.434.383	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		434.892.434.383	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	348.642.951.780	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		86.249.482.603	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	879.594.008	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	70.909.269.484	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.479.576.361	
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.024.281.142	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.195.525.985	
11. Thu nhập khác	31		2.550.625.000	
12. Chi phí khác	32		2.296.969.718	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		253.655.282	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.449.181.267	
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	290.436.253	
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.158.745.014	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71			

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Khoa Nam

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Vinh

Ngày ... tháng ... năm ...



Phạm Hòa Lạc

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		70.311.159.995	70.311.159.995
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.11	18.656.914.830	70.311.159.995

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Khoa Nam

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Nguyễn Xuân Vinh
Nguyễn Xuân Vinh

Ngày... tháng... năm.....

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)
CÔNG TY TNHH
ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG
- THƯƠNG MẠI
BẢNG ĐƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Phạm Hòa Lạc

13-C.T.T.N.H.H
TỈNH
Y DƯỢC
S MẠI
DƯỢC
HỒ CHÍ MINH



NĂNG LỰC NHÂN SỰ

NHÂN SỰ

STT No.	Họ và tên Name	Chuyên Ngành Career	Trình độ Level	Năm tốt nghiệp Year of graduation
1	N. Phú Mạnh Cường	KS xây dựng Cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2007
2	Nguyễn Ngọc Hiếu	KS xây dựng Cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2005
3	Hồ Tấn Quỳnh	KS xây dựng Cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Thạc sĩ	1994
4	Nguyễn Đình Linh	KS xây dựng cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2009
5	Phan Duy Khánh	KS xây dựng cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2007
6	Vũ Đình Thương	KS xây dựng cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2011
7	Nguyễn Văn Phong	KS xây dựng cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2013
8	Lê Văn Chung	KS xây dựng cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2008
9	Lê Văn Đoàn	KS xây dựng cầu Đường Civil engineering (bridge and highway)	Đại học	2013
10	Trần Anh Hoàng	KS XD công trình giao thông Transport construction engineering	Đại học	2014
11	Đỗ Thị Thanh Thảo	KS xây dựng công trình thủy Civil engineering (maritime construction)	Đại học	2002
12	Lê T. Phương Trúc	KS Kinh tế xây dựng Construction economics	Đại học	2014
13	Nguyễn Quang Tuấn	KS XD công trình giao thông Transport construction engineering	Đại học	2014

STT No.	Họ và tên Name	Chuyên Ngành Career	Trình độ Level	Năm tốt nghệp Year of graduation
14	Phạm Vĩnh Hưng	KS CN kỹ thuật.môi trường <i>Environmental engineering</i>	Đại học	2017
15	Kim Khem Mara	KS cảng và công trình biển <i>Civil engineering (port & maritime construction)</i>	Đại học	2008
16	Bùi Ngọc Tuyên	KS XD cảng và đường thủy <i>Civill engineering (port & waterways)</i>	Đại học	2007
17	Hoàng Đình Hiến	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2018
18	Hoàng Hải Linh	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2013
19	Đỗ Thị Thùy Trang	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2005
20	Nguyễn Văn Tư	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2015
21	Trần Quang Hường	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2015
22	Nguyễn Như Hạnh	KS XD công trình giao thông <i>Transport construction engineering</i>	Đại học	2015
23	Võ Huy Toàn	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2013
24	Trần Văn Bách	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2013
25	Trần Hải Quyên	KS XD công trình giao thông <i>Transport construction engineering</i>	Đại học	2018
26	Phạm Triều Dương	KS xây dựng công trình thủy <i>Civil engineering (maritime construction)</i>	Đại học	2004
27	Nguyễn Đình Nam	KS xây dựng công trình thủy- thêm lục địa <i>Civil engineering Railroad and Metro Engineering</i>	Đại học	2018

STT No.	Họ và tên Name	Chuyên Ngành Career	Trình độ Level	Năm tốt nghiệp Year of graduation
28	Hồ Trí Tường	KS địa chất-dầu khí địa kỹ thuật <i>Geology & Petroleum engineering Division of Geotechnics</i>	Đại học	2010
29	Phạm Hồng Thắng	KS kỹ thuật xây dựng công trình giao thông <i>Transportation engineering</i>	Đại học	2015
30	Nguyễn Trường Phúc	KS bảo hộ lao động <i>Occupational Safety and Health engineering</i>	Đại học	2006
31	Đặng Quốc Cường	KS xây dựng cầu Đường <i>Civil engineering (bridge and highway)</i>	Đại học	2008

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
.....*Đại học giao thông vận tải*.....
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUI
ngành*xây dựng công trình*.....
hạng*Đ.Đ.Đ.*..... năm tốt nghiệp ...*2007*..
và công nhận danh hiệu

Nguyễn Văn Đông *Nguyễn Văn Đông*
Nguyễn Văn Đông *Nguyễn Văn Đông*

Số vào sổ

Số hiệu bằng

C 0741961

VĂN PHÒNG

Chứng Thực Bản Sao Đúng Với Bản Gốc

Số 014.9.8. Q5

Ngày

20-07-2019

Cộng chứng viên

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

tháng 05

ngày 22

năm 2007

năm 2007

năm 2007

BẢN SAO

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Bachelor of Engineering
Civil Engineering
Bridge and Highway

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

CẤP

Hạng Kỹ sư
Xây dựng
..... Cầu đường

UPON : *Nguyễn Ngọc Hiền*...

BORN ON : Jul. 15, 1982. IN : Tien Giang.

YEAR OF GRADUATION : 2005.

CHO : *Nguyễn Ngọc Hiền*.....

SINH NGÀY : 15/07/1982. TẠI : Tiền Giang.

NĂM TỐT NGHIỆP : 2005. HỆ : Chính Quy.



Số đăng ký : 124XD00...
(Registration N°)

BB . 03439/71KH/2/2003

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THỦ ĐỨC

Chứng Thực Bản Sao Đúng Với Bản Chính

Số CT014165 QS SCT/BS

Ngày 20-04-2011

Phòng chứng viên

TP. Hồ Chí Minh ngày 22. tháng 03. năm 2005

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

PGS.TS PHAN THỊ TƯƠI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

KỸ THUẬT (XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG)

Cho ông *Hồ Tấn Quỳnh*

Sinh ngày **31-12-1970** tại **Quảng Nam**

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính

Số chứng thực.....Quyển số.....SCT/Hồ Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2005

Ngày **15-08-2016**

Hiệu trưởng

Phó Chủ tịch UBND Phường Cầu Kho Q.1



Số bằng: **591**

Xuân Việt

Nº.A **013757**



Lê Văn Học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiện trường trưởng
.....**ĐẠI HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**.....
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình, đào tạo.....**CHÍNH QUY**.....
ngành.....**Kỹ thuật cầu đường**.....
hạng.....**Trung cấp**..... năm tốt nghiệp.....**1999**.....
và công nhận danh hiệu

Số hiệu bằng

.....0129284.....

Số vào sổ

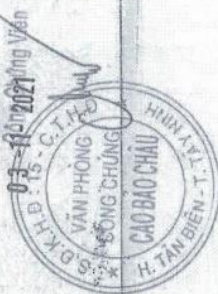
.....4924.....



CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH-sinh ngày.....**23-11-1982**..... tại.....**Nghệ An**.....
Chữ ký của người được cấp bằng.....**02-09-2001**..... SCTBS
Ngày.....

cho.....**Nguyễn Đình Sơn**.....
.....**ĐẠI HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**.....
.....**TP. HCM**..... ngày.....**23**..... tháng.....**12**..... năm.....**2001**.....
.....**ĐẠI HỌC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HCM**.....
.....**TP. HCM**.....

Hiện trường trưởng.....**Trần Cảnh Vinh**.....
Khoa trưởng.....



Cao Bảo Châu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1394/QĐ-BH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường.....
Đã.....
cấp

BẢNG TỐT NGHIỆP
DẠY HỌC

Loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành... *Quản lý kinh tế*...
hạng... *Đại học*... năm tốt nghiệp... *5*...



Số hiệu bảng

A 0027420

CHỨNG THỰC

Bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 284/ĐVPH số. 245CT/BS

Long Sơn, ngày 20 tháng 4 năm 2020

К.Т. ЧУ ТУСН.

PHO CHU TICH

sinh ngày: 03.8.1987 Đinh Đình

Chị em họ, ngày 04 tháng 7 năm 2007.

Hầu trưởng

Khoa trưởng

Grand Church Choir

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Bachelor of Engineering
Civil Engineering
Bridge & Highway Engineering

UPON: *Nguyễn Văn Phong*

BORN ON: May, 01, 1988, IN: Dak Lak

YEAR OF GRADUATION: 2013

CHO: *Nguyễn Văn Phong*

SINH NGÀY: 01/05/1988, TẠI: Dak Lak

NĂM TỐT NGHIỆP: 2013, HẸ: Chính quy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

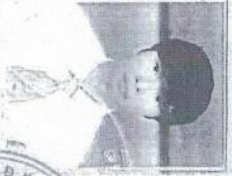
CẤP

Bằng Kỹ sư
Xây dựng
Cầu đường

Số đăng ký: 318XDDT...
(Registration N°)

BB 08141/20KH2/2011

Mã số SV (ID):
80701796



VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG THỦ ĐỨC TP. Hồ Chí Minh, ngày 28, tháng 10, năm 2013

Số CT: 022381 QS SCT/BS

Ngày: 01-10-2021

Công chứng viên



Trần Thị Yui

PGS. TS. Vũ Đình Thành

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiện, tương đương cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
DẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY
ngành Ngành Công nghệ Sinh học
hạng TB. TB năm tốt nghiệp 2008
và công nhận danh hiệu

Số vào sổ
Số hiệu bằng
A 0169518

CHUNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BANG CHỈN

44.02
sinh ngày 06.6.1984 tại Định Bình
ngày 16.8.2008 năm 2008

Chữ ký của người được cấp bằng
Ngày: 01-07-2020

Hiện trường
Khoa trưởng

GIÁO THƯỞNG
VĂN TÀI

GIÁO THƯỞNG
VĂN TÀI

CỘNG CHỨNG VIÊN
PHẠM THU LAM

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

has conferred cấp

BẰNG KỸ SƯ

Xây dựng Cầu - Đường

THE DEGREE OF ENGINEER

Bridge and Highway Engineering

Upon: *Mr. Le Van Doan*Cho: *Ông Lê Văn Doan*Date of birth: 24 April 1989 In: *Quang Nam*Ngày sinh: 24-04-1989 Tại: *Quảng Nam*

Year of graduation: 2013

Năm tốt nghiệp: 2013

Degree classification: *Average good*

Trung bình khá

Mode of study: *Full-time*

Chính quy

Ngày: 16-09-2011 Hình thức đào tạo:

Tổnag chứng viên

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2013

Hanoi, 02 July 2013



Số hiệu: 093154

Số vào sổ cấp bằng: 2948/K49

Reg. No: 2948/K49

Đặng Toại Tâm

PGS.TS. Trần Đức Hòa

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RECTOR

HIỆU TRƯỞNG

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

has conferred

cấp

THE DEGREE OF ENGINEER

BẰNG KỸ SƯ

Civil Engineering

Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
(Xây dựng cầu đường)

(Bridge and Highway Construction)

Name: *Mr. Tran Anh Hoang*Cho: *Ông Trần Anh Hoàng*

Date of birth: 19 Mar 1983

Ngày sinh: 19/03/1983

Year of graduation: 2014

Năm tốt nghiệp: 2014

Degree classification: Ordinary

Loại tốt nghiệp: Trung bình

Mode of study: Full - time

Hình thức đào tạo: Chính quy

CHỨNG THỰC BÀN SÀO DÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 1079
Quyển số: 015C/TSNgày: 4, tháng 12, năm 2014
(Chữ Tịch Liệt) Phường Phước Hòa

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2014



Hồ Ngọc Dung

Số hiệu: 164554

Reg. No: 12048

Số vào sổ cấp bằng: 12048

PGS.TS. Nguyễn Văn Thư



XE, MÁY, THIẾT BỊ

XE MÁY THIẾT BỊ

BẢNG KÊ DANH SÁCH THIẾT BỊ



Stt	Loại xe	Số lượng	Tình trạng
1	Sà lan	12	Tốt
2	Phà bơm	05	Tốt